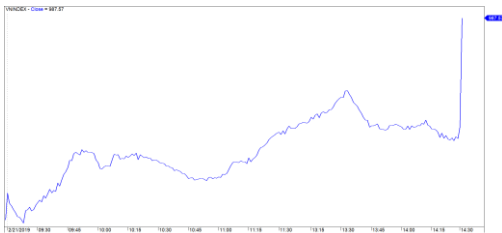


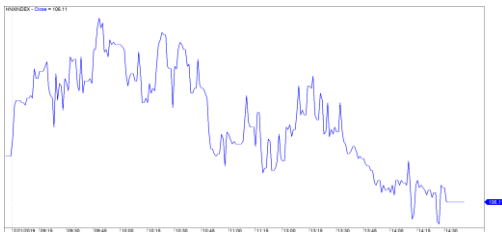
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	987.57	106.11	55.54
% ngày	1.75%	-0.18%	0.13%
% tuần	3.70%	-0.01%	0.27%
% tháng	8.40%	2.65%	4.07%
% năm	-9.16%	-15.69%	-6.47%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,283	490	343
TB 1 tuần	4,133	470	275
TB 1 tháng	3,377	378	294
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	1,064.60	53.59	40.25
Bán	806.28	30.38	28.76
Giá trị ròng	258.33	23.21	11.49
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	124	63	118
Mã Giảm	169	73	102
Không Đổi	90	248	634
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.58	9.62	16.98
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,184	198	977
LS Cổ tức	2.51%	4.01%	4.68%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

## VNINDEX



## HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các thị trường trong khu vực Châu Á có sự phân hóa rõ nét. Tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore chịu áp lực bán mạnh bị giảm điểm nhẹ trong khi đó tại những thị trường khác như Taiwan, Hongkong, Nhật Bản, Thái Lan vẫn giữ được sắc xanh. Tâm lý của các nhà đầu tư trong thời điểm hiện tại vẫn chưa thật sự lạc quan

Đột biến đến trong phiên ATC khiến cho chỉ số VN-Index tăng vọt lên mức 987.57 điểm, tăng thêm 1.75%. Chỉ số HNX-Index giằng co quanh mức tham chiếu và cuối phiên giảm nhẹ 0.18% và dừng lại tại 106 điểm. Thanh khoản thị trường đã có sự cải thiện hơn với tổng giá trị giao dịch toàn sàn đạt mức 5.200 tỷ đồng và Nhà đầu tư nước ngoài cũng đóng góp nhiều.

Nhóm cổ phiếu Largecaps tiếp tục là thu hút và dẫn dắt dòng tiền khá tốt và đặc biệt là VHM tăng trần trong phiên ATC, VIC cũng tăng thêm 1.6% và VRE tăng 5.9%. Bên cạnh đó vẫn có nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh như TCB, CTG, BVH, VJC, POW.

Khối ngoại giao dịch tích cực trong phiên khi nước ngoài tiếp tục mua ròng gần 300 tỷ trên toàn thị trường. Bên cạnh những mã bị bán ròng lớn như VJC, GAS, DHG, CTG. Các nhà đầu tư dường như đang tập trung mua ròng vào CCQ E1VFN30 trong phiên lượng mua ròng lên đến gần 86 tỷ cùng với HPG, MSN, VNM, SSI.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng áp lực chốt lời sẽ có chiều hướng tăng mạnh và khiến các chỉ số chính có thể điều chỉnh trong phiên kế tiếp. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư tiếp tục thận trọng hơn so với các phiên trước cho thấy đà tăng của thị trường chủ yếu tập trung vào nhóm cổ phiếu Largecaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn là nên xem xét hạ dần tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức chốt lỗ ở mức 950.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.05 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét cơ cấu lại danh mục và hạ dần tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị. Đồng thời, hạn chế mở vị thế mua mới trong giai đoạn hiện nay.

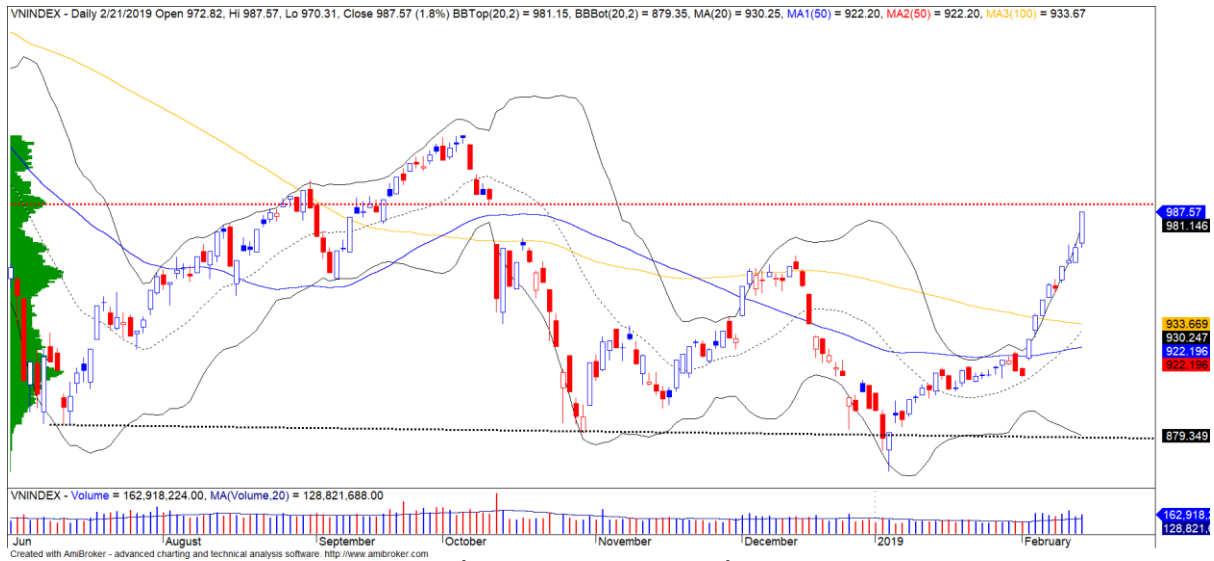
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 67% cổ phiếu/33% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	972	1,025	897	780
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	110	117	100	96
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	946	995	865	768
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	1,020	1,079	925	971
Chỉ số VNSmallcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	815	835	789	769



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15,050	TĂNG	GIẢM	15,400	14,868	-2.27%			16,605		
ACB	30,100	TĂNG	GIẢM	30,200	29,065	-0.33%			33,291		
ACV	89,600	TĂNG	TĂNG	88,300	85,610	1.47%		90,000	76,780	-0.44%	
ANV	28,550	TĂNG	GIẢM	27,200	27,471	4.96%			31,024		
ASM	8,150	GIẢM	GIẢM	7,770	8,383	7.89%	BÁN		9,351		
BFC	22,000	GIẢM	GIẢM		23,201				25,187		
BID	34,250	TĂNG	TĂNG	33,150	32,022	3.32%		33,400	29,888	2.54%	
BMP	49,500	TĂNG	GIẢM	50,800	48,075	-2.56%			54,542		
BSR	14,200	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	8.40%			15,250		
BVH	95,400	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	1.06%		86,000	88,082	10.93%	
BWE	24,000	GIẢM	TĂNG		25,943			20,000	21,692	20.00%	
CEO	13,300	TĂNG	GIẢM	13,500	13,076	-1.48%			14,755		
CHP	22,900	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	6.76%		23,000	22,286	-0.43%	MUA
CII	23,050	GIẢM	GIẢM		24,356				26,172		
CMX	16,000	TĂNG	TĂNG	15,150	15,640	5.61%		5,910	13,022	170.73%	
CSM	14,700	GIẢM	TĂNG		15,387			14,390	13,911	2.15%	
CTD	137,000	GIẢM	GIẢM		139,941				152,745		
CTG	20,400	TĂNG	GIẢM	19,550	19,817	4.35%			22,209		
CTI	24,600	GIẢM	TĂNG		25,981			26,850	22,809	-8.38%	
CVT	22,800	TĂNG	TĂNG	19,900	21,783	14.57%		22,550	22,326	1.11%	MUA
DCM	8,940	TĂNG	GIẢM	9,200	8,877	-2.83%			10,038		
DGC	42,500	TĂNG	GIẢM	44,000	41,659	-3.41%			47,020		
DGW	23,700	TĂNG	GIẢM	23,300	23,113	1.72%			25,127		
DHA	33,600	TĂNG	TĂNG	32,250	31,350	4.19%		29,100	27,521	15.46%	
DHC	34,350	TĂNG	GIẢM	32,700	30,281	5.05%			34,601		
DHG	97,500	TĂNG	TĂNG	77,500	91,196	25.81%		93,000	85,526	4.84%	MUA
DIG	16,500	TĂNG	GIẢM	16,000	16,126	3.13%			17,064		
DPG	44,500	GIẢM	GIẢM		47,521				52,441		
DPM	21,900	GIẢM	TĂNG	22,750	22,370	-1.67%	BÁN	19,400	19,790	12.89%	
DPR	38,800	TĂNG	TĂNG	32,600	37,441	19.02%		35,950	32,946	7.93%	
DQC	26,500	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	-4.33%		31,000	26,186	-14.52%	
DRC	21,600	GIẢM	GIẢM		22,235				24,379		
DXG	24,600	TĂNG	GIẢM	24,700	23,916	-0.40%			26,665		
EIB	17,000	GIẢM	TĂNG	13,850	17,285	24.80%	BÁN	14,700	15,173	15.65%	
FCN	14,400	TĂNG	GIẢM	13,900	13,960	3.60%			15,658		
FMC	30,650	GIẢM	TĂNG		32,193			24,700	27,888	24.09%	
FPT	44,800	TĂNG	GIẢM	42,800	43,257	4.67%			45,324		
GAS	97,200	TĂNG	GIẢM	89,900	92,708	8.12%			100,384		
GEX	23,600	TĂNG	GIẢM	22,600	22,712	4.42%			24,673		
GIL	39,900	TĂNG	TĂNG	35,950	39,178	10.99%		39,000	33,448	2.31%	

We Create Fortune

GMD	27,600	TĂNG	GIẢM	27,500	26,546	0.36%		29,123		
GTN	11,350	TĂNG	GIẢM	10,400	11,280	9.13%		11,796		
HAG	5,410	TĂNG	GIẢM	5,080	5,208	6.50%		5,603		
HAX	17,000	TĂNG	GIẢM	17,200	16,310	-1.16%		17,965		
HBC	18,150	TĂNG	GIẢM	16,800	17,500	8.04%		19,374		
HCM	28,500	TĂNG	GIẢM	46,700	25,503	-38.97%		52,159		
HDB	29,800	GIẢM	GIẢM		30,875			33,267		
HDC	14,150	GIẢM	GIẢM		14,636			14,709		
HDG	36,900	TĂNG	TĂNG	35,950	35,814	2.64%	37,400	32,282	-1.34%	
HNG	15,600	TĂNG	GIẢM	15,100	14,617	3.31%		16,554		
HPG	32,700	TĂNG	GIẢM	29,500	30,304	10.85%		32,928		
HSG	7,450	TĂNG	GIẢM	6,860	7,204	8.60%		8,479		
HT1	15,850	TĂNG	TĂNG	14,150	15,167	12.01%	14,800	13,096	7.09%	
HUT	3,500	GIẢM	GIẢM		3,753			4,396		
HVN	39,000	GIẢM	TĂNG		40,638		39,000	32,523	0.00%	
KBC	14,700	TĂNG	TĂNG	14,250	14,175	3.16%	13,450	12,415	9.29%	
KDH	31,200	TĂNG	TĂNG	31,200	30,111	0.00%	33,000	28,018	-5.45%	
KSB	26,150	TĂNG	GIẢM	26,300	25,416	-0.57%		27,640		
LCG	9,050	TĂNG	TĂNG	8,230	8,713	9.96%	9,200	7,868	-1.63%	
LDG	14,350	TĂNG	GIẢM	14,750	14,152	-2.71%		16,835		
LHG	19,850	TĂNG	GIẢM	19,100	18,974	3.93%		20,947		
LPB	9,200	TĂNG	GIẢM	9,100	8,499	1.10%		9,825		
LSS	6,210	GIẢM	GIẢM		6,600		7,890	6,353	-19.48%	
MBB	22,100	TĂNG	TĂNG	19,750	21,421	11.90%	21,850	18,730	1.14%	
MPC	47,100	TĂNG	TĂNG	41,100	45,607	14.60%	47,500	46,475	-0.84%	
MSN	89,700	TĂNG	TĂNG	82,300	82,840	8.99%		88,530		
MSR	19,400	TĂNG	GIẢM	18,700	18,783	3.74%		20,804		
MWG	87,900	TĂNG	GIẢM	86,200	84,830	1.97%		92,376		
NDN	12,200	TĂNG	GIẢM	12,500	11,773	-2.40%		13,356		
NKG	7,390	TĂNG	GIẢM	6,580	7,053	12.31%		7,821		
NLG	27,300	TĂNG	GIẢM	26,100	26,069	4.60%		28,488		
NT2	29,000	GIẢM	TĂNG	25,400	29,051	14.37%	BÁN	25,900	26,534	11.97%
NTL	18,400	TĂNG	TĂNG	19,200	18,084	-4.17%	10,450	15,978	76.08%	
OIL	14,900	TĂNG	GIẢM	14,900	14,476	0.00%		16,188		
PAC	36,250	GIẢM	GIẢM		37,703			40,410		
PC1	23,700	TĂNG	GIẢM	23,900	23,690	-0.84%		25,195		
PDR	26,550	TĂNG	GIẢM	26,150	25,744	1.53%		27,684		
PHR	39,700	TĂNG	TĂNG	29,300	37,655	35.49%	24,000	31,203	65.42%	
PLX	58,300	TĂNG	GIẢM	55,700	55,698	4.67%		60,986		
PNJ	99,000	TĂNG	GIẢM	94,200	95,346	5.10%		101,983		
POW	16,450	TĂNG	TĂNG	14,300	16,379	15.03%	16,550	14,314	-0.60%	
PPC	23,200	TĂNG	TĂNG	18,550	22,368	25.07%	19,700	19,994	17.77%	
PTB	59,100	TĂNG	TĂNG	60,200	58,605	-1.83%	64,000	56,808	-7.66%	
PVD	17,600	TĂNG	GIẢM	15,500	16,615	13.55%		17,923		
PVI	34,000	TĂNG	TĂNG	32,900	32,654	3.34%	33,000	30,008	3.03%	
PVS	19,800	TĂNG	GIẢM	18,900	18,819	4.76%		20,919		



We Create Fortune

PXS	3,970	GIẢM	GIẢM		4,368				4,874		
QNS	42,800	TĂNG	TĂNG	42,000	42,441	1.90%		41,500	3,377	3.13%	
REE	35,550	TĂNG	TĂNG	31,100	34,359	14.31%		35,100	33,718	1.28%	MUA
SAB	248,000	TĂNG	TĂNG	244,000	233,931	1.64%		245,000	227,704	1.22%	
SAM	7,430	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	4.80%		7,400	6,595	0.41%	
SCR	7,450	GIẢM	GIẢM	7,390	7,539	2.01%	BÁN		8,128		
SHI	8,550	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	24.82%		6,990	6,026	22.32%	
SJS	22,000	TĂNG	TĂNG	18,800	20,682	17.02%		18,100	18,715	21.55%	
SKG	14,900	GIẢM	GIẢM		15,371				17,466		
SSI	27,900	TĂNG	GIẢM	26,900	26,488	3.72%			29,029		
STB	13,000	TĂNG	TĂNG	11,700	12,527	11.11%		13,000	12,773	0.00%	MUA
TCB	27,500	TĂNG	GIẢM	25,800	26,701	6.59%			N/A		
TCM	29,550	TĂNG	TĂNG	24,350	27,610	21.36%		28,000	21,746	5.54%	
TDH	10,650	TĂNG	GIẢM	10,300	10,318	3.40%			11,264		
TLH	4,740	TĂNG	GIẢM	5,000	4,597	-5.20%			5,686		
TNG	19,200	TĂNG	TĂNG	18,000	18,340	6.67%		12,000	15,302	60.00%	
VCB	60,100	TĂNG	TĂNG	55,000	57,965	9.27%			59,813		
VCG	27,800	TĂNG	TĂNG	25,100	25,425	10.76%		19,200	18,435	44.79%	
VFG	38,200	TĂNG	TĂNG	39,000	37,463	-2.05%		34,394	34,815	11.07%	
VGC	20,900	TĂNG	TĂNG	16,300	19,474	28.22%		19,100	16,691	9.42%	
VGT	11,900	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	2.59%			13,091		
VHC	92,400	GIẢM	GIẢM		97,361				105,200		
VHM	96,700	TĂNG	TĂNG	76,600	84,737	26.24%		80,000	69,856	20.88%	
VIB	19,300	TĂNG	GIẢM	18,000	18,033	7.22%			19,666		
VIC	118,400	TĂNG	TĂNG	109,100	111,233	8.52%		112,000	104,386	5.71%	MUA
VIP	7,360	TĂNG	TĂNG	7,000	6,832	5.14%			7,277		
VJC	119,000	GIẢM	GIẢM		123,860				130,367		
VND	17,400	TĂNG	GIẢM	16,800	16,550	3.57%			18,694		
VNG	21,600	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	18.02%		16,008	19,617	34.94%	
VNM	148,500	TĂNG	TĂNG	131,000	139,408	13.36%		140,200	136,989	5.92%	MUA
VPB	21,400	TĂNG	GIẢM	20,200	20,441	5.94%			22,887		
VPI	40,450	GIẢM	N/A		41,991				5,935		
VRC	17,100	GIẢM	GIẢM	18,150	17,311	-4.62%	BÁN		19,388		
VRE	34,000	TĂNG	TĂNG	30,400	30,358	11.84%			32,589		
VSC	44,400	TĂNG	GIẢM	42,700	42,750	3.98%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	987.57	1.75%
VN30	926.09	1.57%
VN Mid	989.35	-0.04%
VN Small	790.01	-0.16%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.11	-0.18%
HN30	193.93	0.39%
VNX AllSh	897.08	1.63%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.54	0.13%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1,064.60	
Bán	806.28	
GT rỗng	258.33	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	53.59	
Bán	30.38	
GT rỗng	23.21	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	40.25	
Bán	28.76	
GT rỗng	11.49	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VHM	6300	6.97%
VRE	1900	5.92%
DHC	1650	5.05%
IJC	380	4.63%
HCM	1200	4.40%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TAR	1600	9.82%
VHL	2700	9.71%
MBS	1000	6.80%
VCG	800	2.96%
VGC	600	2.96%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SDI	3600	7.10%
NTC	4400	4.42%
LPB	200	2.22%
HVN	800	2.09%
VGI	300	1.60%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPM	-1000	-4.37%
ACL	-1700	-4.20%
IDI	-350	-3.93%
CMG	-1150	-3.86%
EIB	-650	-3.68%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VC3	-300	-1.32%
TNG	-200	-1.03%
ACB	-300	-0.99%
SHS	-100	-0.83%
CEO	-100	-0.75%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	-300	-3.37%
VGT	-200	-1.65%
MPC	-600	-1.26%
GEG	-200	-1.20%
VEA	-500	-1.02%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	371,824	
VHM	302,796	
VNM	249,021	
VCB	219,195	
GAS	183,739	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,914	
VCG	11,926	
VCS	9,910	
PVS	9,416	
VGC	9,102	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	194,979	
MCH	67,007	
VEA	64,867	
HVN	54,184	
BSR	44,257	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
MBB	7,998,970	6,266,862
FLC	7,653,970	5,422,017
CTG	7,146,910	6,574,914
AMD	7,020,490	3,229,066
HPG	6,010,110	5,591,698

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VGC	4,371,970	1,951,444
PVS	4,084,288	3,198,063
ACB	2,970,539	1,674,691
SHB	2,822,196	5,167,843
VCG	2,380,045	1,963,285

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVM	8,237,600	232,045
BSR	1,359,556	1,736,664
LPB	1,153,646	737,858
C4G	928,542	180,839
VIB	775,756	481,323

Nguồn: Bloomberg & YSVN

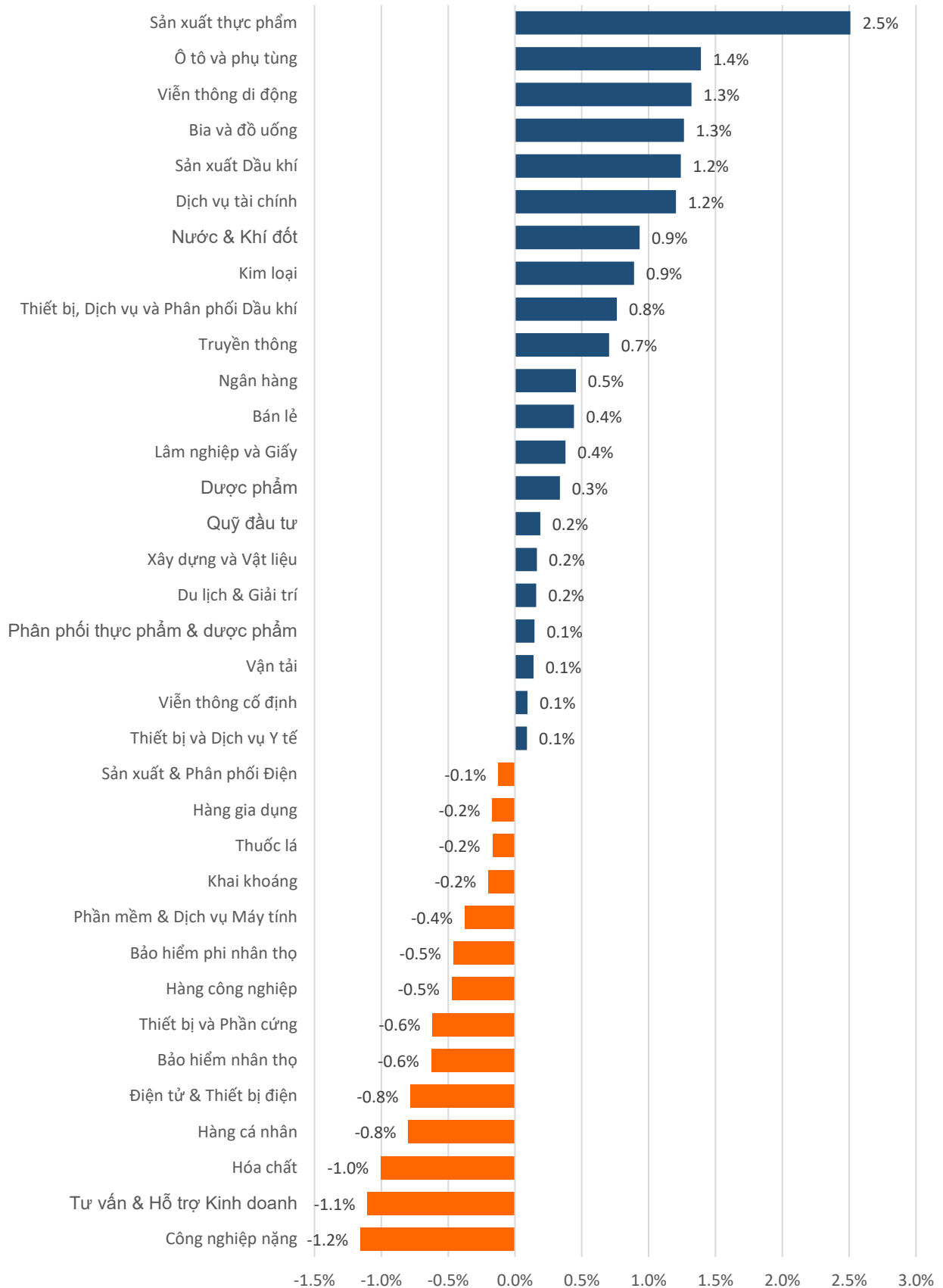
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



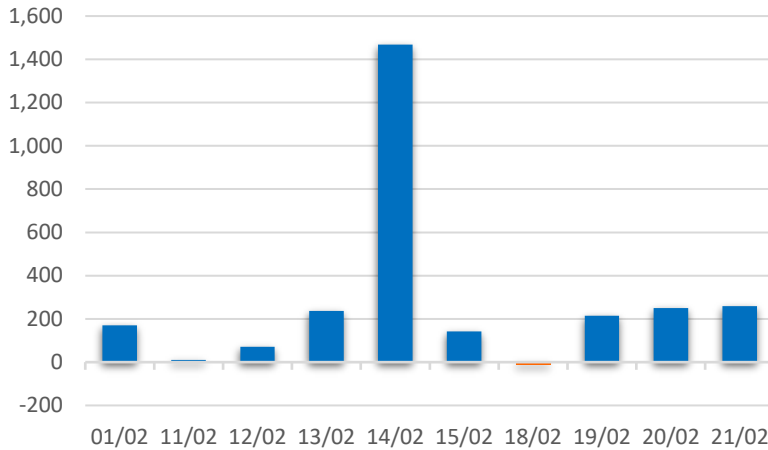
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

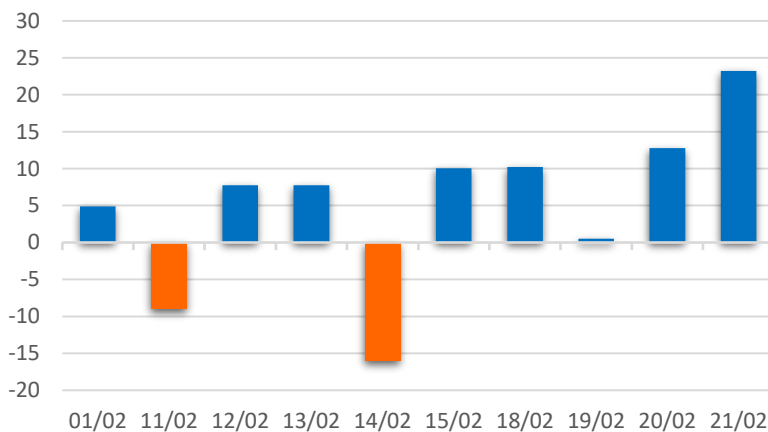
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	85,925	<b>VJC</b>	76,887
<b>HPG</b>	74,000	<b>GAS</b>	43,509
<b>MSN</b>	52,799	<b>DHG</b>	37,985
<b>VNM</b>	43,164	<b>CTG</b>	20,294
<b>SSI</b>	40,213	<b>FLC</b>	18,004

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

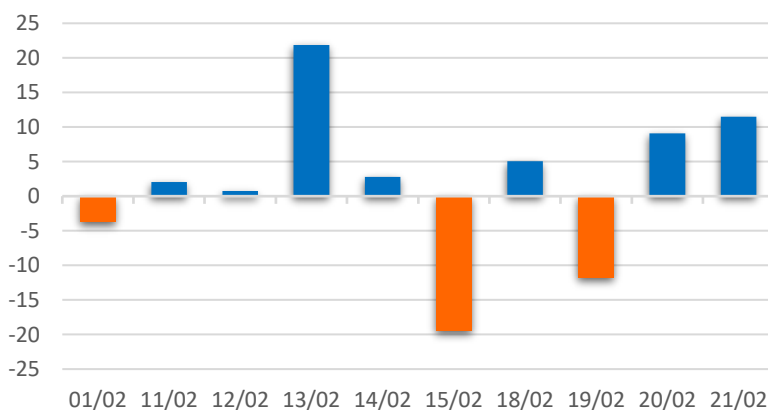
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>PVS</b>	15,026	<b>VHL</b>	1,707
<b>VGC</b>	11,453	<b>NTP</b>	588
<b>SHS</b>	312	<b>VMC</b>	458
<b>DGC</b>	159	<b>BVS</b>	288
<b>PPS</b>	108	<b>HLD</b>	174

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>QNS</b>	4,395	<b>IDC</b>	4,565
<b>VTP</b>	4,331	<b>SDI</b>	937
<b>ACV</b>	3,008	<b>LTG</b>	665
<b>VEA</b>	2,353	<b>TTD</b>	294
<b>HVN</b>	1,588	<b>GHC</b>	188

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

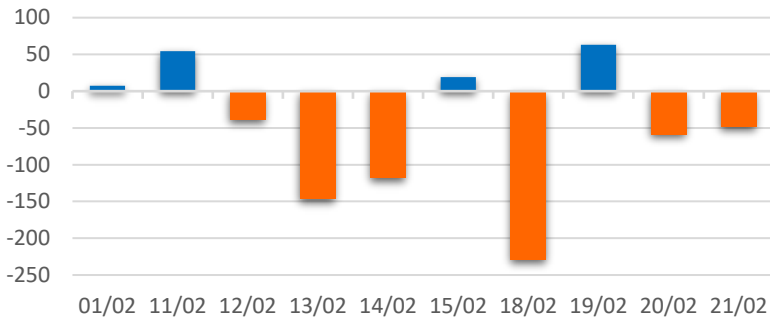
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

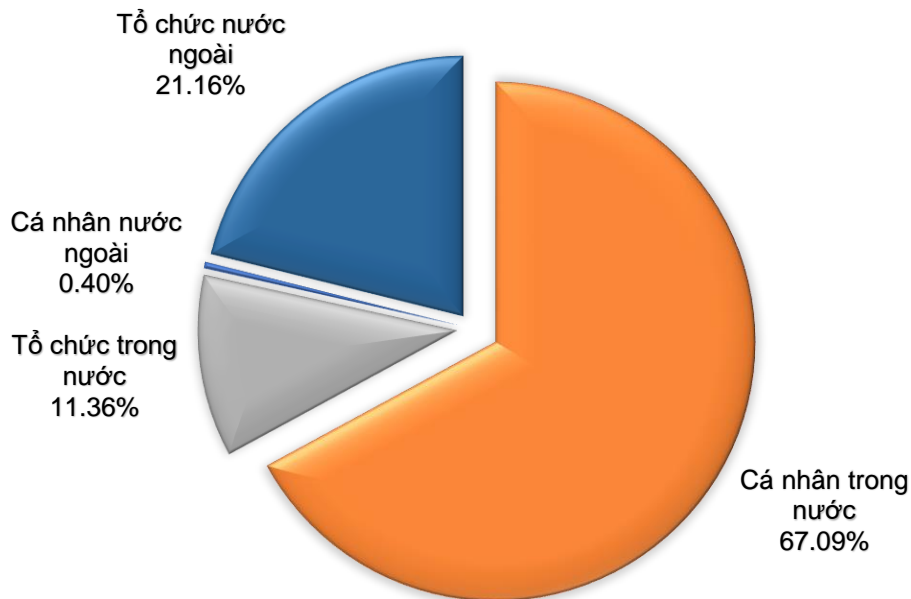
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng  
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
VHM	77,563	E1VFN30	86,161
VIC	14,684	VHM	41,894
HPG	8,473	PLX	22,294
FPT	4,294	CII	10,261
EIB	2,205	MBB	7,167

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

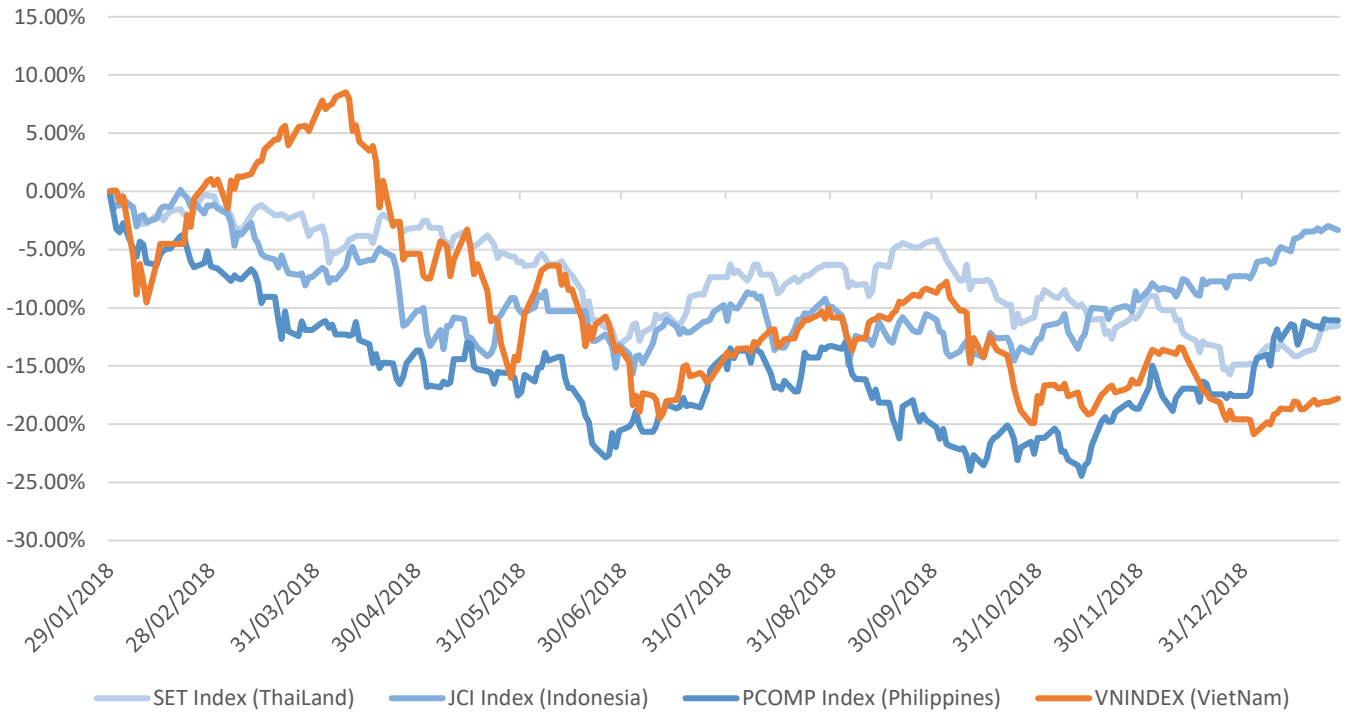


Nguồn: FinPro – YSVN



We Create Fortune

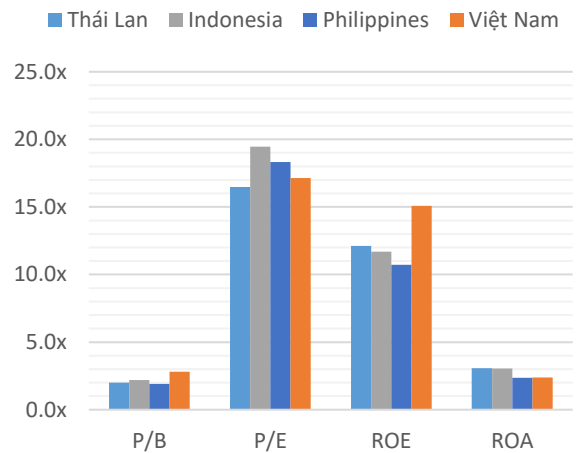
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh**

**Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written